**Đề**: **“*Trong Nỗi buồn chiến tranh, Bảo Ninh từng nói về sự bất định của ngòi bút khi miêu tả công việc sáng tác của nhân vật – nhà văn Kiên: “Tác phẩm tự nó cấu trúc nên thời gian của nó, tự định hướng, chọn luồng và tự chọn lấy một bến bờ. Còn Kiên, anh chỉ là người viết, bền bỉ và lặng lẽ hòa nhập thân phận mình vào cộng đồng số phận các nhân vật. Nói chung, anh hết sức thụ động, hầu như trở thành bất khả tri trước các trang viết của chính mình. Mạch truyện nó thế nào thì buông theo như thế, anh như hoàn toàn cam chịu cái logic bí ẩn của trí nhớ và trí tưởng tượng”.***

**Quan điểm của anh (chị) về ý kiến trên?**

Hành trình sáng tác văn chương là cả quá trình vật lộn trước trang giấy của người nghệ sĩ sau những suy tư, chiêm nghiệm về hiện thực, cả những trổi dậy mãnh liệt của miền tâm giới cùng sự quan sát tinh tế, trí tưởng tượng phong phú và sự phiêu dạt bất định vào cõi sáng tạo để làm ra những tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Sự viết được ví như một cái gì đó bất khả tri đối với người nghệ sĩ, không theo chủ định của ý thức để nó được trọn vẹn hoài thai trong tất cả những chiêm nghiệm sâu sắc nhất về con người và cuộc đời. Có lẽ vì thế mà “*Trong* ***Nỗi buồn chiến tranh****, Bảo Ninh từng nói về sự bất định của ngòi bút khi miêu tả công việc sáng tác của nhân vật – nhà văn Kiên: “Tác phẩm tự nó cấu trúc nên thời gian của nó, tự định hướng, chọn luồng và tự chọn lấy một bến bờ. Còn Kiên, anh chỉ là người viết, bền bỉ và lặng lẽ hòa nhập thân phận mình vào cộng đồng số phận các nhân vật. Nói chung anh hết sức thụ động, hầu như trở thành bất khả tri trước các trang viết của chính mình. Mạch truyện nó thế nào thì buông theo như thế, anh như hoàn toàn cam chịu cái logic bí ẩn của trí nhớ và trí tưởng tượng”.*

*Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh là hành trình đau đớn của một số phận dị kì tìm lại quá khứ của mình. Suốt dọc hành trình sống của Kiên, số phận giống như một thứ lực li tâm hất văng những người thân thiết nhất ra khỏi cuộc đời anh. Hoặc họ lặng lẽ rời khỏi anh (mẹ, Phương…) hoặc cái chết giật họ khỏi cuộc đời anh (cha, dượng, những người đồng đội,…).Những cái chết và khoảng trống trong tâm hồn để lại ý nghĩa ẩn dấu sau những cái chết buồn bã hoặc đau đớn của những người thân, người đồng đội. Toàn bộ cuộc đời hậu chiến của Kiên bị trôi đi trong cuộc hành trình “đi tìm thời gian đã mất” đó.

Theo Freud, sáng tác là sự giải toả của những dồn nén, ẩn ức, và tác phẩm văn học là kết quả của hoạt động thoả mãn những mong muốn bản năng và những xung động tinh thần của người nghệ sĩ. Quá trình sáng tạo của Kiên là sự thăng hoa của những ẩn ức: những ám ánh từ chiến tranh, mặc cảm tội lỗi, ám ảnh tính dục và cả những đau đớn của kí ức tuổi thơ...tất cả bày ra với những đoạn đứt nối, rối mù của ý thức – vô thức khiến cho chính tác giả của nó đã không dám tin là do chính mình viết ra. Bởi trong ý thức của Kiên muốn viết về cộng đồng, những con người kì thú của hiện tại, văn của những người đương thời nhưng rồi ý nghĩ đó bị mờ nhoè trước sự trổi dậy mạnh mẽ của vô thức – những kí ức từ quá khứ vọng lại nên tác phẩm dự định một đằng, hình thành một nẻo. Công việc viết văn của Kiên không tuân theo ý nghĩ mà đang viết trong mộng mị của vô thức nhờ vào phép liên tưởng nhiệm màu của hồi ức : *“ hoá ra là nói chung mình chả có ý tưởng nào cả, hoặc giả có thì ý tưởng ấy vẫn là một cái gì hoàn toàn mờ mịt, vẫn nằm ngoài ở bản thảo, ở ngoài tầm với của tâm hồn anh, tưởng như nó còn lạc sâu trong miền bất khả tri của cõi lòng ”.*

Kiên viết trong cơn mộng du, xúc động tột đỉnh, kiệt quệ về thân xác: *tay mỏi tê, run lên, tim như rách dần, cả hai buồng phổi nghẹt khói thuốc, miệng khô đắng, cổ tắc lại nấc, anh cắm đầu viết..*. Và trong khi sáng tác, Kiên như được sống lại với những mảnh đời vá víu, những con người – những nhân vật nối nhau xô đẩy gục ngã, những kỉ niệm chắp nối, những cơn mưa thi thể dội xuống...đến mức Kiên không nhận ra những gì đang diễn ra trong đời thực: *quanh anh, tiếng kêu, tiếng la hét đau đớn, tiếng đại rít sát mang tai, tiếng gầm giật dội của những chùm rốc két dọc từ trực thăng xuống.*

Cõi vô thức điều khiển tất cả những trang viết của Kiên bởi có những người chưa nghĩ sẽ viết về họ thế mà vẫn hiện diện trong sáng tác của anh. Đó là vùng ý thức, tiền ý thức đã bị đẩy sâu vào vùng vô thức đến bây giờ lên tiếng gọi để Kiên tạo nên tác phẩm của mình. Do vậy, tác phẩm dự định của anh không tuân theo một kết cấu nào, rối bời, chắp nối. Và vì nương theo mạch cảm xúc, với dòng ý thức miên man bất định, tác phẩm viết ra không theo sự chủ ý kết cấu nên thời gian. Đặc biệt, thời gian trong tác phẩm là khoảng thời gian đồng hiện quá khứ -hiện tại. Đêm nằm nghe tiếng quạt rú rít trên đầu mà tưởng trực thăng gầm rú, trong phút chốc Kiên tưởng như tiếng nổ ấy vang ngay trên đầu sát rạt, bỏng rát “ Chéo-éo-éo...Đoành !”. Hay có khi đi trên đường Hà Nội giữa phố xá đông người mà tưởng đi qua “ đồi Xáo Thịt ” xưa đầy hoang tàn, đổ nát, đậm mùi tử khí. Miền kí ức dội về chân thật, sống động bất giác Kiên rùng mình đưa tay lên che lấy mũi vì hít phải mùi tử khí xộc thẳng vào người nồng hắc trước sự ngơ ngác của người đi đường. Đó còn là thời gian về đêm - khoảng lặng đáng sợ của miền nội tâm chôn giấu sau khuôn mặt Thần Sầu. Đêm về với bao ưu tư, bao nỗi niềm cố chôn giấu cứ lật trở lại rõ mồn một mà sống động vô cùng. Tự miền nào trong kí ức xưa chợt ùa về và nhân vật nhà văn nhận thức về nó một cách tỉnh táo và chân thực hơn cả để rồi cắm cúi viết, viết để ghi lại, viết để biết mình còn sống. Sự đan xen giữa hiện tại – quá khứ đã thể hiện sự phân thân trong đời sống tinh thần của con người, khắc hoạ đậm nét ám ảnh quá khứ chiến tranh. Không gian – thời gian bị đảo lộn, xoay chiều bất chợt theo dòng suy nghĩ của nhân vật cho thấy những bấn loạn tinh thần, cõi vô thức sống động, tiềm tàng mà chiến tranh đã gây ra cho con người ; và nhà văn là người đứng bên lề của sự sáng tác, viết lại nó với những gì thật nhất.

Bàn về điều này trong sáng tác văn học, Freud đã đưa ra khái niệm vô thức sáng tạo đã có đóng góp không nhỏ trong quá trình hình thành nên tác phẩm của người nghệ sĩ cũng như giúp người đọc lĩnh hội được ý nghĩa đa tầng của tác phẩm văn học. Vô thức trong sáng tạo văn học phải kể đến là những điều ám ảnh từ thực tại khách quan mà nhà văn đã từng trải qua và có tác động to lớn đến nhận thức của nhà văn. Chính những ảnh hưởng của thực tại khách quan chèn ép đến nhận thức khiến nhà văn ám ảnh. Những ám ảnh đó thật sự không thể tiêu biến mà chỉ có thể bị lãng quên tạm thời, đến một lúc nào đó nó trỗi dậy trong tiềm thức và biểu hiện bằng những hình tượng biểu trưng. Với Kiên, với Bảo Ninh là những ám ảnh chiến tranh chưa bao giờ đứt mạch, là những lưu luyến, hoài niềm về tình yêu đã mất cả những đau đớn, đổ vỡ vì mất mát, đau thương trong quá khứ… từ đó làm nên *Nỗi buồn chiến tranh*  gây chấn động thời đại. Người viết – tác giả như đang chơi “trò chơi” tìm về quá khứ, để miền nội tâm lên tiếng và tạo nên lối viết tự động, ý tứ cứ thế mà trổi dậy, tuôn trào trên trang giấy và sự chắp nối rối mù chính là kết cấu thực sự của dòng ý thức đầy bấn loạn đó. Kiên bị rơi vào trạng thái mâu thuẫn giữa sự thôi thúc nội tâm về một cái viết kì lạ, với khát vọng văn chương mà anh vẫn tin tưởng – “văn của những người đương thời” nhưng với sự trổi dậy mãnh mẽ của quá khứ, miền vô thức khiến tác phẩm làm ra hoàn toàn lạc xa chủ ý ban đầu. Kiên đã không nghĩ rằng sự viết – nói thay lời trăng trối cho người đã chết sẽ làm nên thành công cho tác phẩm. Bởi thế khi bị vằm xé bởi vết thương quá khứ, Kiên đã quyết định đốt hết bản thảo và rời đi. Cuộc chạy trốn quá khứ, nỗi đau tinh thần và sự bất tín về giá trị của những gì đang viết ra đã diễn ra ở nhân vật nhà văn này nhưng khi ngọn lửa thiêng bùng cháy hủy diệt tất cả thì bản thảo vẫn còn lại từ người độc giả đầu tiên quan sát suốt quá trình sáng tác của Kiên – người đàn bà câm trên gác xép. Người phụ nữ ấy chính là độc giả không ngờ đến của Kiên, gói ghém, nâng niu tất cả và chắp vá lại để tác phẩm thành hình. Nhà văn đã rời đi, nhưng anh không biết rằng tác phẩm đã cập bến – cái bến ấy đã nằm ngoài tầm khả tri của chính tác giả.

Đi vào các tác phẩm văn chương có thể thấy yếu tố vô thức chi phối rất rõ khi tác phẩm thành hình, tự kết cấu nên thời gian, tổ chức cấu trúc và vì thế những ý nghĩa văn bản cứ mở đến vô tận bởi sự viết đối với các nhà thơ, nhà văn có thể nói là sự « biên tập lại » (R. Barthes) trên những mảng ghép có sẵn trước đó. Các sáng tác của Hoàng Cầm là minh chứng rõ ràng cho điều này. Ông kể rằng những bài thơ nổi tiếng của ông thật sự không phải của ông, “*mà có một giọng nữ đang hát, hay đang đọc có nhịp điệu, có tiết tấu, mà tôi xin gọi là lời của thần linh đọc cho mình chép lại được... Lúc đó thì ba loại thơ... ngôn thi, tâm thi, thần thi đều có thể xuất hiện trên trang viết. Và cũng lúc đó thì có ba cái thức đều phải vận động, phải làm việc cho thơ. Đó là ý thức, tiềm thức, vô thức... Ở tôi thì luôn cái vô thức làm việc nhiều hơn... thần lực thường tự động làm bật ra nhiều những lời thơ, lắm khi tưởng như vô nghĩa, mà ngay chính bản thân tôi cũng không hiểu những từ ngữ mình viết ra mang ý nghĩa cụ thể*”. Những bài thơ như *Lá diêu bông, Cỗ tam cúc, Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm cũng ra đời như vậy. *Lá diêu bông* mở ra với những hình ảnh mang nhiều ám gợi “*Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng*”, “*đồng chiều”, “cuống rạ*”  để khai mở cho mạch thơ và hành trình tìm lá của “*em”* cho chị đã hé lộ mặc cảm odipe ở nhà thơ về mối tình ngây một thời. Kết cấu bài thơ nương theo dòng ý thức sống lại quá khứ của nhân vật trữ tình để cuối bài là âm hưởng đầy day dứt : *“*Diêu bông hời.../  ...ới diêu bông...!*”* .

Với Hàn Mạc Tử, đó là những ám ảnh về trăng và nỗi đau mặc cảm số phận. “*Mở cửa nhìn trăng, trăng tái mặt*”*,* “*Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu*”*,* “*Trời hỡi làm sao cho khỏi đói/ Gió trăng có sẵn làm sao ăn*”*,* “*Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy/ Sáng dậy điên cuồng mửa máu ra*”... Trăng ở đây không chỉ là tín hiệu thẩm mỹ bình thường mà hơn nữa trăng đã được đồng hóa thành một dạng thức khác của chủ thể thẩm mỹ trong thơ ông. Cùng với đó là sự ám ảnh của chính căn bệnh trầm kha (bệnh phong) đã dày vò thể xác và tâm hồn nhà thơ đau đớn đến tê dại. Chính vì vậy, không ít câu thơ của Hàn ghi ra trong trạng thái hỗn loạn đau đớn mà không ai lí giải được. Đó là thế giới hình tượng đầy trăng, hoa, hương lẫn lộn với hồn và máu. “*Người trăng ăn vận toàn trăng cả/ Gò má riêng thôi cũng đỏ hườm*”. Vô thức đã làm cho tác phẩm có những cú “lệch pha” ngoạn mục so với ý tưởng ban đầu của nhà văn. Và hầu hết những cú “lệch pha” ấy đều có giá trị nghệ thuật rất cao, góp phần nâng cao tư tưởng của tác phẩm. Trong những dẫn chứng thơ Hàn Mặc Tử trên, ai có thể phân tích được ảo giác tri liệu vô thức *“Máu đã khô rồi thơ cũng khô”,* cả những “nhảy cóc” về mạch thơ đầy bất ngờ trong “*Đây thôn Vĩ Dạ”* – một bài thơ trong trẻo, tinh khôi và cũng đầy ảo huyền, ảm ảnh. Khổ 1 – vườn Huế tươi đẹp sang khổ 2 đã là sông nước chia lìa, đến khổ 3 thì dường như không gian – thời gian chẳng còn thực nữa mà nhuốm màu hư ảo, siêu thực “sương khói mờ nhân anh”. Thế mới thấy bài thơ đâu chỉ là tình đời mà còn là những đổ vỡ trong nội tâm, những lo âu, khắc khoải, bấn loạn đến nao lòng.

Với cái tạng thơ ưa “trôi dạt” vào miền lạ của nội tâm, sự thiết lập tứ thơ trong thơ Nguyễn Bình Phương chính là những mảnh dán ghép bất ngờ gây khó hiểu. Trong dòng ý thức bất định của cái tôi nội cảm, trong cái trôi tuột miên man của cảm xúc vào miền tâm giới, và ý thức về sự sáng tác ôm chứa hiện thực đầy “mảnh vỡ”, Nguyễn Bình Phương đã để lại khá nhiều quá nhiều khoảng trống trong thơ để suy tưởng: “*Giữa vòm cây mận trắng/ Cơn sốt dậy sắc hồng run rẩy”* (**Tiếng lạ),** “*Ô tô bỏ chạy sau lưng ngựa/ Già lão ngồi chờ mẹ trong vườn*” **(Khảo dị)**; Chỉ khi được dẫn dắt bằng vô thức, gạt đi những chi phối, can thiệp của lí trí, người thơ mới dò được đường biên của cảm xúc mà ngụp lặn kiếm tìm, chiêm nghiệm. Nên thế, mỗi tác phẩm làm ra có một phần nằm ngoài “tôi”, là “tôi” nhưng nếu tỉnh táo tác giả sẽ không được nhìn thấy: “tôi hay nói đùa mà cũng nói thật: trong mỗi bài thơ của tôi có bóng dáng một con ma, một cái bóng lẩn khuất, một tâm trạng gì đó không nắm bắt được”.

Chính vì vậy, những tác phẩm viết trong vô thức thể hiện đúng nhất, đầy đủ nhất, và hoàn chỉnh nhất thế giới quan của mỗi nhà văn. Nên có nhiều tác giả cũng không thể nào giải thích được tác phẩm của chính mình. Vô thức như Freud đã nói thật sự là cội nguồn sáng tạo của văn học. Tuy vô thức chỉ như một giây phút thôi miên, một cái vẫy chào từ hư vô xa thẳm, nhưng từ trong những giây phút huyền bí ấy, các tác phẩm xuất thần mới xuất hiện “*như một câu chuyện bất đắc dĩ*”, có giá trị nghệ thuật xứng gọi là những trang viết để đời của nhà văn. Đồng thời theo lí luận của R. Barthes về “cái chết của tác giả” thì sự viết không phải là hành vi tác động trực tiếp lên thực tại nữa, mà là việc hiện thực hóa nhiệm vụ “*trình tấu lại biểu tượng*”. Nhà văn phải là những kẻ mang ẩn ức sáng tạo mãnh liệt, dự phóng nghệ thuật đầy tâm huyết và khi sự chiêm nghiệm đủ sâu sắc, sáng tác chính là hành trình trôi dạt trên những con chữ, vượt ra ngoài tầm kiểm soát của lí trí để văn bản tự hình thành nên kết cấu của nó. Và, một khi nói và viết trong tác phẩm không phải do tác giả, mà do ngôn ngữ thì độc giả sẽ không còn nghe thấy tiếng nói của tác giả, mà thay vào đó là tiếng nói của văn bản, tiếng nói được tổ chức tương ứng với các mã văn hóa của thời đại mình, của nền văn hóa mình. Người đọc lên ngôi, người đọc đồng sáng tạo và như thế qua thời gian, qua nhiều thế hệ, ý nghĩa của văn bản không đóng khung, chết cứng trong một nghĩa hẹp mà tạo sinh thêm nhiều nghĩa mới.